

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133 /2024/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 9 năm 2024

“V/V Tranh chấp về hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh – Ông Phan Văn Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 392/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2024/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2024/QĐ-HPT ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị U, sinh ngày 05/01/1999.

Nơi cư trú: xóm X, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Có mặt tại phiên tòa).

- **Bị đơn:** Anh Trần Đình T, sinh ngày 11/01/1990.

Nơi cư trú: Xóm L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai và trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị U tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị U và anh Trần Đình T cưới nhau vào tháng 02/2019, trước khi cưới anh chị có quá trình yêu đương tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, được sự đồng ý của hai gia đình. Chị U, anh T đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y,

tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:16 ngày 14/02/2019. Theo chị U sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là quá trình sống chung thì vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, nên vợ chồng đã có những lời nói, xử sự không đúng mực đối với nhau. Mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, ngược lại mâu thuẫn càng trầm trọng sâu sắc hơn. Không thể sống chung chị U đã chủ động về bên ngoại sống ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu tháng 1/2024 đến nay. Chị U xác định không còn tình cảm, tình yêu đối với anh T nữa, hôn nhân giữa chị và anh T đã thực sự tan rã dù có hòa giải đến đâu thì chị U cũng không đoàn tụ đối với anh T, vì vậy chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đình T1 để ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung.
- Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Đình T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh không hợp tác, nên Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của bị đơn. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân giữa chị Trần Thị U và anh Trần Đình T tan ra đổ vỡ cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều sinh sống tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa án để giải quyết tranh chấp, nhưng bị đơn anh Trần Đình T không chấp hành, không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được tổng đạt lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại

phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Trần Thị U có mặt, bị đơn anh Trần Đình T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Trần Đình T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị U, anh T được các bên thực hiện đúng quy định của pháp luật. Chị U, anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 16 ngày 14/02/2019, nên xác định hôn nhân giữa chị Trần Thị U và anh Trần Văn T2 là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị U, anh T2 tan rã, đổ vỡ chủ yếu là do quá trình sống chung thì vợ chồng tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, các bên không có tình cảm tình yêu đối với nhau, các bên không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng đã có những lời nói, xử sự không chuẩn chỉnh đối với nhau trong quan hệ hôn nhân dẫn đến hôn nhân đổ vỡ.

Hôn nhân giữa chị U, anh T2 được xác định tan rã, đổ vỡ kể từ lúc vợ chồng sống ly thân tức đầu năm năm 2024. Kể từ lúc vợ chồng sống ly thân đến lúc xét xử các bên không hề có động thái ý thức gì đối với nhau để níu kéo hôn nhân để đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị U, anh T2 đã thực sự tan ra đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm giữa vợ và chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên. Nay chị U yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T2 là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị U được ly hôn anh Trần Đình T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng chưa có con chung, nên miễn xét.

- Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị U không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Trần Thị U phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị U được ly hôn anh Trần Đình T.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Trần Thị U phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí chị U phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0002999 ngày 08/8/2024, chị U đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành,
- CC THA DS H. Yên Thành,
- TAND tỉnh Nghệ An,
- VKSND tỉnh Nghệ An,
- Lưu HSVA,
- UBND xã Đồng Thành (Nơi ĐKKH).

Vũ Anh Ngọc